TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2017/HNGĐ-ST
Ngày 03-11-2017
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Rọi
2. Bà Trần Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 03 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 525/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1968, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 12, ấp BL, xã CL, huyện DMC, tỉnh TN.

- *Bị đơn*: Ông Hồ Minh P, sinh năm: 1969, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 22, ấp CL, xã CG, huyện GD, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-9-2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Hồ Minh P chung sống với nhau vào năm 1988, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới nhưng có làm lễ phạt và không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới ông bà chung sống tại ấp BL, xã CL, huyện DMC, tỉnh TN được khoảng 08 hoặc 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông P thường xuyên uống rượu, đánh vợ con, ông bà thường xuyên cải nhau. Năm 1997, ông P bỏ về quê cha mẹ ruột tại ấp CL, xã CG huyện GD, tỉnh TN sinh sống và ông bà sống ly thân từ năm 1997 đến nay. Nay bà xin ly hôn với ông P.

Vàng cưới có 01 đôi bông tai 05 phân vàng 18 K nhưng đã bán để chi tiêu trong gia đình nên không còn.

Về con chung: Ông bà chung sống có 02 người con chung là Hồ Thị Tố N, sinh năm 1989 và Hồ Minh L, sinh năm 1994. Hiện cháu N đã có chồng, còn cháu

L thì vẫn sống chung với bà. Cả hai người con đều đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên bà không yêu cầu giải quyết.

Ngày 27-10-2017 bà D có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 24-10-2017, bị đơn ông Hồ Minh P trình bày:

Về hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Dự. Ông bà chung sống không có tổ chức lễ cưới nhưng có làm lễ phạt và không đăng ký kết hôn. Ông bà sống ly thân từ năm 1997 đến nay. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D.

Vàng cưới có đôi bông đã bán tiêu xài nên không còn.

Về con chung: Có 02 người con chung như bà D trình bày là đúng. Con chung đã thành niên, có khả năng lao động tự sinh sống được nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên ông không yêu cầu giải quyết. Và ông xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và bị đơn ông Hồ Minh P có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị D và ông Hồ Minh P là tự nguyện, không ai ép buộc. Mặc dù bà D và ông P có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông P.

[3] *Về con chung*: Ông bà có 02 người con chung là Hồ Thị Tố N, sinh năm 1989 và Hồ Minh L, sinh năm 1994. Hiện chị N đã có chồng, còn anh L thì vẫn sống chung với bà D. Cả hai người con đều đã thành niên, có khả năng lao động tự sinh sống được, ông bà không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà D và ông P khai không có nên không giải quyết.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Bà D phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Tuyên bố*: Không công nhận bà Nguyễn Thị D và ông Hồ Minh P là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Có 02 người con chung là chị Hồ Thị Tố N, sinh năm 1989 và anh Hồ Minh L, sinh năm 1994. Chị N và anh L đều đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được, ông bà không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông bà khai không có nên không giải quyết.

4. Về án phí: Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo biên lai thu số 0012501 ngày 03-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Bà D đã nộp đủ tiền án phí.

Bà D và ông P vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁM- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Rọi **Trần Thị Thúy** **Nguyễn Thị An**